

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ7 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 132017302405 - Qu n ầ v ấ khai th ầ c ấ ng H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H ầ V ầ T c N		NG ầ Y SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấI M THI	QUY TS : 70%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571011503	35CCĐ7	ấ Quang	An	26/06/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
2	3471010009	34CCD3	V ồ Th ầi	An	06/11/1991	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
3	3571011507	35CCĐ7	Nguy n V ầ	B ầ n	15/09/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	
4	3571011622	35CCĐ7	Nguy n M nh	C ồ ng	05/11/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
5	3571011651	35CCĐ7	Nguy n Th ầ nh	C ồ ng	20/07/1993	7.0	6.0					6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	N HP
6	3571011629	35CCĐ7	Nguy n Ng c	Duy	30/04/1993	6.0	5.0					5.5	1.7	1.0	0.7	2.4	N HP
7	3571011662	35CCĐ7	ấ ng T ầ n	ấ t	11/05/1993	5.0	6.0					5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	N HP
8	3571011614	35CCĐ7	Lê Ph ầc	ấ t	13/09/1993	8.0	7.0					7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
9	3571011561	35CCĐ7	Phan T ầ n	ấ t	04/05/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
10	3571011711	35CCĐ7	D ồ ng H ầ i	ấ ầ ng	07/10/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
11	3571011546	35CCĐ7	Nguy n Thanh	ấ m	01/04/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	1.0	0.7	2.7	N HP
12	3571011729	35CCĐ7	Phan T ầ n	ầ i p	07/04/1989	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
13	3571011468	35CCĐ7	Ph m V ầ	Hà	20/12/1993	8.0	7.0					7.5	2.3	6.0	4.2	6.5	
14	3571011627	35CCĐ7	Tr ồ ng Ho ầ ng	H ầ i	02/05/1993	8.0	7.0					7.5	2.3	7.0	4.9	7.2	
15	3571011762	35CCĐ7	Hà Anh	Ho ầ ng	01/01/1993	6.0	6.0					6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
16	3571011514	35CCĐ7	Nguy n ầ nh	H ồ a	06/01/1993	6.0	6.0					6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	N HP
17	3571011516	35CCĐ7	Nguy n Xu ầ n	Huy	19/05/1993	6.0	6.0					6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	N HP
18	3571011642	35CCĐ7	Tr n Minh	Huy	16/06/1993	5.0	6.0					5.5	1.7	0.5	0.4	2.0	N HP
19	3571011824	35CCĐ7	Tr n V ầ nh	Huy	12/09/1993	7.0	6.0					6.5	2.0	1.0	0.7	2.7	N HP

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ7 N h c : 2013-2014 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 132017302405 - Qu n Iĩ v© khai th c ã ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñ I M THI	QUY TS : 70%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571011512	35CCĐ7	Nguy n Thanh	Hùng	01/02/1993	7.0	6.0					6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
21	3571011681	35CCĐ7	ñ o ã T n	H ng	24/06/1992	7.0	7.0					7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
22	3571011497	35CCĐ7	Nguy n V ã	Ngà	05/01/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	N HP
23	3571011560	35CCĐ7	ñ ng Trung	Ngân	10/01/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	
24	3571011721	35CCĐ7	Nguy n	Ng c	20/05/1993	6.0	6.0					6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
25	3571011465	35CCĐ7	Nguy n H Anh	Ng c	10/06/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
26	3571011712	35CCĐ7	L ² Ph c	Nhân	04/09/1993	6.0	5.0					5.5	1.7	3.0	2.1	3.8	
27	3571011471	35CCĐ7	Tr n Quang	Nh t	04/07/1993	5.0	4.0					4.5	1.4	1.5	1.1	2.4	N HP
28	3571011677	35CCĐ7	Hu nh Ng c	Phát	02/09/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	N HP
29	3571011717	35CCĐ7	Nguy n H u	Ph ng	20/05/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	
30	3571011807	35CCĐ7	Nguy n Ng c	S n	25/03/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	0.5	0.4	2.3	
31	3571011511	35CCĐ7	Tr nh Ho ã	S n	30/10/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
32	3571011499	35CCĐ7	Nguy n Anh	Tài	26/02/1991	6.0	7.0					6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	N HP
33	3571011601	35CCĐ7	Nguy n ã c	Tài	30/04/1992	7.0	7.0					7.0	2.1	1.0	0.7	2.8	
34	3571011491	35CCĐ7	Ph m Nh t	Tân	20/04/1993	7.0	6.0					6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
35	3571011607	35CCĐ7	H L ² Minh	Tín	24/07/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	
36	3571011812	35CCĐ7	Nguy n Tr ng	Tín	30/12/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	
37	3571011529	35CCĐ7	VH Ph m	Tuân	02/01/1990	6.0	6.0					6.0	1.8	0.5	0.4	2.2	
38	3571011770	35CCĐ7	Phí Quang	Tu n	21/02/1993	6.0	5.0					5.5	1.7	3.5	2.5	4.1	

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ7 N ầ h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 132017302405 - Qu n ầ v ầ khai th ầ c ầ ng H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H ầ V ầ T c N		NG ầ Y SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấI M THI	QUY TS : 70%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3571011840	35CCĐ7	Nguy n Huu nh	T ầ ng	14/02/1992	7.0	6.0					6.5	2.0	2.5	1.8	3.7	
40	3571011657	35CCĐ7	ấ ầ Ng c	Tú	16/06/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
41	3571011639	35CCĐ7	ấ inh V ầ	Th ầ n	07/08/1992	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
42	3571011650	35CCĐ7	B ầ i Qu c	Thi	16/08/1993	8.0	7.0					7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	
43	3571011744	35CCĐ7	Lê Thanh	Tri u	20/07/1993	7.0	6.0					6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
44	3571011638	35CCĐ7	ấ ng Th ầ nh	Trung	30/12/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	
45	3571011686	35CCĐ7	Lý Quang	Trung	15/06/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	9.0	6.3	8.7	
46	3571011600	35CCĐ7	L i V ầ	Viên	10/02/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
47	3571011616	35CCĐ7	ấ inh Qu c	V ng	02/09/1992	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
48	3571011758	35CCĐ7	L ầ ầ nh	V ng	12/08/1993	5.0	6.0					5.5	1.7	3.3	2.3	4.0	
49	3571011481	35CCĐ7	Ch ầ u Tri u	V	21/03/1993	5.0	5.0					5.0	1.5	2.0	1.4	2.9	
50	3571011825	35CCĐ7	Tr nh Ho ầ	V	02/02/1992	6.0	5.0					5.5	1.7	0.3	0.2	1.9	N HP

T ng s : 50 h c sinh sinh vi ầ n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi ầ o Vi ầ n B M ầ n

Gi ầ o V Khoa